

SOME FACTORS AFFECTING THE MANAGEMENT AND USE OF LAND IN AGRICULTURAL AND FORESTRY ENTERPRISES IN THAI NGUYEN PROVINCE

Phan Thanh Hà¹, Lê Văn Tho^{2*}

¹Thai Nguyen Provincial Party Inspection Committee, ²TNU - University of Agriculture and Forestry

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 31/8/2022	The research was conducted with the aim of assessing some factors affecting the management and use of land in agricultural and forestry enterprises in Thai Nguyen province. The content of the study used the exploratory factor analysis method (EFA) and multivariate regression model with the selected sample of 100. Research results have identified 6 groups with 19 factors that affect the management and use of land in agricultural and forestry enterprises in Thai Nguyen province, including the group of land law and policy factors that have the greatest influence with coefficient $\beta = 0.316$; followed by a group of factors on the coordination of the work of the management agencies with $\beta = 0.305$; group of factors on business sectors characteristics with $\beta = 0.285$; the group of factors socio-economic conditions with the coefficient $\beta = 0.212$; the group of factors the qualification and capacity of staff in charge of management with the coefficient $\beta = 0.181$ and the group of factors facilities serving management with $\beta = 0.129$. On the basis of the analysis of the influencing factors, the study has proposed some solutions to strengthen the management and use of land in agricultural and forestry enterprises in the province such as: Improving the law related to the management and use of land in agricultural and forestry enterprises; Improve activities that change economic conditions and enhanced living standards for employees at agricultural and forestry enterprises; Innovating management methods for agricultural and forestry enterprises...
Revised: 29/9/2022	
Published: 07/10/2022	
KEYWORDS	
Land management	
Land use	
Agriculture and forestry enterprise	
Thai Nguyen	
Factors affecting	

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CÁC NÔNG, LÂM TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Phan Thanh Hà¹, Lê Văn Tho^{2*}

¹Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy Thái Nguyên, ²Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 31/8/2022	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Nội dung nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nhân tố khám phá EFA và mô hình hồi quy đa biến với số mẫu được lựa chọn là 100. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 6 nhóm với 19 yếu tố có ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gồm: nhóm yếu tố chính sách pháp luật đất đai có ảnh hưởng lớn nhất với hệ số $\beta = 0,316$; tiếp theo là nhóm yếu tố về sự phối hợp thực hiện công tác của các cơ quan quản lý với $\beta = 0,305$; nhóm yếu tố về đặc điểm ngành nghề kinh doanh với $\beta = 0,285$; nhóm yếu tố điều kiện kinh tế - xã hội với hệ số $\beta = 0,212$; nhóm yếu tố trình độ và năng lực của cán bộ làm công tác quản lý với hệ số $\beta = 0,181$ và nhóm yếu tố cơ sở vật chất phục vụ quản lý với $\beta = 0,129$. Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất tại các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh như: Hoàn thiện pháp luật liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các nông, lâm trường; Cải thiện các hoạt động làm thay đổi điều kiện kinh tế nâng cao đời sống cho cán bộ nhân viên tại các nông, lâm trường; Đổi mới phương pháp quản lý đối với các nông, lâm trường...
Ngày hoàn thiện: 29/9/2022	
Ngày đăng: 07/10/2022	
TỪ KHÓA	
Quản lý đất	
Sử dụng đất	
Nông, lâm trường	
Thái Nguyên	
Yếu tố ảnh hưởng	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6412>

*Corresponding author. Email: levantho@tuaf.edu.vn

1. Giới thiệu

Thái Nguyên là một tỉnh vùng Đông Bắc, có diện tích đất nông, lâm trường (NLT) khá lớn [1]. Tuy nhiên, hiện nay quỹ đất này còn chưa được quản lý và sử dụng một cách hiệu quả, việc tranh chấp đất đai tại các nông, lâm trường vẫn diễn ra [2]... Vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý, sử dụng đất NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay là phải có những nghiên cứu và đánh giá một cách tổng thể về thực trạng công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT, những yếu tố nào ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất? Giải pháp nào để nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh?...

Đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước. Nghiên cứu của Trần Hữu Đào (2008) [3] đã đánh giá thực tiễn quá trình chuyển đổi các lâm trường quốc doanh sang doanh nghiệp lâm nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2005. Theo Dương Việt Tình và Trần Hữu Nghị (2012) [4] có 4 nhóm ảnh hưởng chủ yếu đến quản lý sử dụng đất rừng, chủ yếu là những quy định của pháp luật, yếu tố tự nhiên, cơ sở hạ tầng, yếu tố kinh tế xã hội. Nghiên cứu của Phạm Thị Huệ (2014) [5] đã tập trung đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị định số 200/2004/NĐ-CP và đánh giá được những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với các công ty nông lâm nghiệp trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Nghiên cứu của Lê Đức Thịnh (2014) [6] đã đề cập đến một số nội dung về cơ sở lý luận quản lý nhà nước (QLNN) đối với NLT quốc doanh, thực trạng đổi mới, sắp xếp và đề xuất giải pháp chính sách nhằm đổi mới QLNN đối với NLT quốc doanh. Nghiên cứu của Trần Xuân Miên và cộng sự (2016)[7] đã phân tích được thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất NLT trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Nghiên cứu của Phạm Thanh Quế và cộng sự (2018) [8] đã tìm ra 4 nhóm với 29 yếu tố ảnh hưởng đến quản lý, sử dụng đất rừng dựa vào cộng đồng tại tỉnh Hòa Bình. Nghiên cứu của Đinh Xuân Nghiên (2018)[9] đã tìm ra nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân đó đến QLNN đối với các Công ty nông lâm nghiệp;... Các nghiên cứu trên chủ yếu tập trung vào công tác quản lý đất rừng tại các lâm trường cũng như việc quản lý, sử dụng đất rừng dựa vào cộng đồng của người dân. Do vậy, nghiên cứu này là rất cần thiết nhằm lượng hóa các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý, sử dụng đất tại các NLT, làm cơ sở để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp điều tra thu thập số liệu thứ cấp

Thu thập các tài liệu, số liệu liên quan có sẵn từ các nguồn khác nhau tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, thành phố. Số liệu thu thập gồm: Các tài liệu khoa học về quản lý, sử dụng đất NLT trên địa bàn tỉnh; Các báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, Bộ ngành và của UBND tỉnh Thái Nguyên về sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các NLT tại các địa phương trên cả nước.

2.2. Phương pháp chọn mẫu điều tra

- Đối tượng điều tra: (1) Cán bộ làm việc tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện/thành phố, tổng 37 phiếu; (2) Cán bộ quản lý làm việc tại các NLT gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kiểm soát viên và một số cán bộ công nhân viên đang công tác tại các NLT, tổng 63 phiếu.

- Phương pháp chọn mẫu điều tra: Sử dụng phương pháp chọn mẫu của Joseph F. Hair (2006) [10] để làm cơ sở lựa chọn mẫu điều tra. Theo Joseph F. Hair có hai cách để chọn mẫu: (1) Lựa chọn mẫu điều tra theo tỉ lệ quan sát/biến đo lường là 5:1, nghĩa là 1 biến đo lường cần tối thiểu 5 quan sát; (2) Lựa chọn mẫu điều tra dựa vào hệ số Factor loading là chỉ tiêu đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực (Ensuring practical significance) trong phương pháp phân tích khám phá (EFA). Nếu Factor loading bằng hoặc lớn hơn $\geq 0,3$ được xem là đạt mức tối thiểu, nếu Factor loading

$\geq 0,4$ được xem là quan trọng và nếu Factor loading $\geq 0,5$ được xem là có ý nghĩa thực tiễn. Nếu chọn Factor loading $\geq 0,3$ thì số mẫu điều tra là 350; nếu chọn Factor loading $\geq 0,5$ thì số mẫu điều tra là 100; Factor loading $\geq 0,75$ thì số mẫu điều tra là 50. Nghiên cứu đã chọn cách chọn mẫu điều tra thứ hai với số mẫu điều tra là 100 hệ số Factor loading $\geq 0,50$ để thực hiện khảo sát. Với số phiếu thu được đã đủ điều kiện áp dụng mô hình EFA và tiêu chuẩn Factor loading $\geq 0,5$.

2.3. Phương pháp phân tích số liệu

2.3.1. Sử dụng mô hình nhân tố khám phá

Nghiên cứu sử dụng mô hình nhân tố khám phá EFA để xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Để đánh giá độ tin cậy của dữ liệu, nghiên cứu đã thực hiện kiểm định một số tiêu chí: Cronbach's Alpha, sử dụng để đánh giá chất lượng của thang đo. Thang đo được đánh giá phù hợp khi hệ số Cronbach's Alpha của tổng thể lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biến tổng phù hợp của từng quan sát lớn hơn 0,3. Hệ số KMO (Kaiser- Meyer-Olkin) là chỉ số dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số KMO phải đạt từ 0,5 trở lên ($0,5 \leq KMO \leq 1$). Nếu trị số này nhỏ hơn 0,5 thì phân tích nhân tố không phù hợp với tập dữ liệu nghiên cứu. Kiểm định Bartlett được sử dụng để đánh giá các biến quan sát có tương quan với nhau trong một thang đo. Nếu kiểm định cho thấy không có ý nghĩa thống kê thì không nên áp dụng phân tích nhân tố cho các biến. Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê nhỏ hơn 0,05 (*sig Bartlett's Test* $\leq 0,05$). Tổng phương sai trích (*Total Variance Explained*) $\geq 50\%$ cho thấy các mô hình EFA là phù hợp. Mức độ ảnh hưởng của các biến đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT được xác định thông qua mô hình hồi quy tuyến tính: $Y = f(F_1, F_2, F_3, F_4, F_5, F_6)$; trong đó: Y là công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT; F_1 : là nhóm chính sách pháp luật đất đai; F_2 : là nhóm điều kiện kinh tế - xã hội; F_3 : là nhóm đặc điểm ngành nghề kinh doanh; F_4 : là nhóm yếu tố cơ sở vật chất phục vụ quản lý; F_5 : là nhóm trình độ và năng lực của cán bộ làm công tác quản lý; F_6 : là nhóm sự phối hợp thực hiện của các cơ quan quản lý.

2.3.2. Đánh giá dựa trên thang đo

Nghiên cứu đã sử dụng thang đo Likert đơn hướng 5 mức trong phương pháp EFA để phân tích ảnh hưởng của các nhân tố theo 5 mức độ và được tính theo giá trị khoảng cách. Giá trị khoảng cách = $(\text{Max} - \text{Min})/n = (5-1)/5 = 0,8$, từ đó xác định khoảng điểm cho các mức như sau: Rất quan trọng $\geq 4,20$; Quan trọng: từ 3,40 - 4,19; Trung bình: từ 2,60 - 3,39. Ít quan trọng: từ 1,8 đến <2,59 và không quan trọng: <1,8 [11].

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

3.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Tính đến năm 2019, diện tích đất đai tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đang quản lý, sử dụng là 72.471,19 ha, trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 72.371,75 ha, chiếm 99,86% tổng diện tích đang quản lý, sử dụng; đất phi nông nghiệp là 94,44 ha và đất chưa sử dụng là 5,0 ha.

Số liệu điều tra tại bảng 1 cho thấy: Ban Quản lý rừng, vườn quốc gia đang sử dụng 53.387,09 ha, chiếm 73,67% tổng diện tích đất của các NLT; 02 đơn vị không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP đang sử dụng là 870,60 ha, còn lại 05 đơn vị thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP đang sử dụng là 18.212,69 ha, chiếm 25,13% tổng diện tích đất của các NLT.

Cơ cấu sử dụng đất tại các NLT hiện nay vẫn chủ yếu là đất nông nghiệp (chiếm 99,86%), trong đó, diện tích đất tại Ban quản lý rừng, vườn quốc gia đang quản lý chủ yếu là đất rừng (gồm đất rừng sản xuất, rừng đặc dụng và rừng phòng hộ). Đối với các nông trường (Bắc Sơn, Quân Chu, Phú Lương, Sông Cầu), diện tích đất cây lâu năm (đất chè) chiếm trên 97% và một

phần diện tích đất ở đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân là cán bộ công nhân viên chức của các đơn vị. Để quản lý và khai thác hiệu quả việc sử dụng đất tại các NLT cần phải có các cơ chế, chính sách và giải pháp phù hợp với từng đối tượng quản lý sử dụng đất.

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2019

TT	Đơn vị	Tổng diện tích đang sử dụng (ha)	Tỷ lệ (%)	Chia ra (ha)		
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
I	Ban quản lý rừng, vườn quốc gia	53.387,90	73,67	53.382,56	5,34	0
1	Vườn quốc gia Tam Đảo	10.851,80	14,97	10.851,80		
2	Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa - Phụng Hoàng	22.127,50	30,53	22.127,16	0,34	
3	Ban quản lý rừng ATK Định Hoá	16.954,80	23,40	16.949,80	5,00	
4	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hồ Núi Cốc	3.453,80	4,77	3.453,80		
II	Các đơn vị không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP	870,60	1,20	830,39	40,21	0
1	Công ty cổ phần chè Bắc Sơn	642,60	0,89	603,86	38,74	
2	Công ty cổ phần chè Quân Chu	228,00	0,31	226,53	1,47	
III	Các đơn vị thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP	18.212,69	25,13	18.158,80	48,89	5,00
1	Công ty TNHH MTV chè Phú Lương	620,00	0,86	579,70	35,30	5,00
2	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Võ Nhai	320,20	0,44	319,00	1,20	
3	Chi nhánh chè Sông Cầu	1.332,20	1,84	1.329,74	2,46	
4	Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên	14.505,64	20,02	14.497,71	7,93	
5	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đại Từ	1.434,65	1,98	1.432,65	2,00	
	Tổng	72.471,19	100,00	72.371,75	94,44	5,00

(Nguồn: [1])

3.3.2. Thực trạng công tác quản lý đất đai tại các NLT

Quản lý sử dụng đất đai tại các NLT là một nội dung quan trọng của công tác quản lý nhà nước về đất đai. Do vậy, để quản lý tốt quỹ đất đai, đồng thời hỗ trợ các nông, lâm trường nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo vệ, phát triển rừng, trong những năm qua, Quốc hội, Chính phủ và các Bộ đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định về quản lý nhà nước như Luật Đất đai 2013 và nhiều Nghị định, thông tư hướng dẫn. Trên cơ sở các văn bản pháp quy, UBND tỉnh Thái Nguyên đã tập trung mọi nguồn lực và cơ bản đã thực hiện xong việc rà soát, lập quy hoạch kế hoạch phát triển các NLT và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với NLT, nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại các NLT.

3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT tỉnh Thái Nguyên

3.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng

Bảng 2. Kết quả kiểm định chất lượng thang đo Cronbach's Alpha của các biến đặc trưng

TT	Tên biến	Ký hiệu biến	Số biến	Cronbach's Alpha
1	Chính sách, pháp luật đất đai	PL	3	0,808
2	Kinh tế - xã hội	KT	3	0,805
3	Đặc điểm ngành nghề kinh doanh	KD	3	0,711
4	Cơ sở vật chất phục vụ quản lý	CV	3	0,757
5	Trình độ và năng lực của cán bộ quản lý	NL	3	0,782
6	Sự phối hợp thực hiện của các cơ quan quản lý	PH	4	0,725
	Tổng		19	

(Nguồn: Số liệu xử lý điều tra)

Để tìm hiểu, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý, sử dụng đất tại các NLT, kết quả điều tra thu thập được 100 ý kiến đánh giá về các chỉ tiêu đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý, sử dụng đất tại các NLT theo thang điểm Likert từ 1 đến 5. Kết quả tổng hợp tại bảng 2 cho thấy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT như: Chính sách pháp luật đất đai; Kinh tế xã hội; Cơ sở vật chất; Trình độ và năng lực cán bộ... Kết quả tổng hợp đã xác định được 6 nhóm và 19 yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3.2.2. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố

a. Kiểm định chất lượng thang đo

Để kiểm định độ tin cậy của thang đo, nghiên cứu đã sử dụng kiểm định Cronbach's Alpha. Kết quả phân tích số liệu cho thấy, giá trị Cronbach's Alpha của các biến đặc trưng đều lớn hơn 0,6. Do vậy, tất cả các số liệu điều tra là phù hợp đảm bảo độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

b. Kết quả kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

Để kiểm định các nhân tố trong thang đo được lựa chọn chính xác hay không, bằng phương pháp phương sai trích Principal component analysis, phương pháp xoay Varimax với Kaiser normalization, nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Kết quả thể hiện tại bảng 3.

Hệ số KMO (Kaiser – Meyer - Olkin) được dùng để đánh giá sự thích hợp của mô hình khi sử dụng mô hình nhân tố khám phá EFA. Khi $0,5 \leq KMO \leq 1$ thì mô hình được cho là phù hợp.

Bảng 3. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's Test

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Trị số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy)	0,801
2	Kiểm định Chi bình phương (Approx. Chi-Square)	1633,025
	Tổng bình phương các sai lệch (df)	326
	Mức ý nghĩa (Sig.)	0,000

(Nguồn: Số liệu xử lý điều tra)

Kết quả kiểm định tính thích hợp của phân tích nhân tố cho thấy hệ số KMO = 0,801 thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$. Như vậy, phân tích nhân tố khám phá là phù hợp cho dữ liệu thực tế, phù hợp cho phân tích EFA. Ngoài ra, kiểm định Bartlett có giá trị Sig. = 0,000 $\leq 0,05$ nên 19 biến quan sát sử dụng trong mô hình hoàn toàn phù hợp với phân tích EFA. Đây là kiểm định được sử dụng để đánh giá mức độ tương quan giữa các biến quan sát trong tổng thể. Nghĩa là các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện. Như vậy, các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện với mức ý nghĩa 99%.

c. Kết quả kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát

Bảng 4. Tổng phương sai trích giải thích

Giá trị riêng ban đầu				Xoay tổng tải bình phương		
Yếu tố	Tổng	Phương sai (%)	Tích lũy (%)	Tổng	Phương sai (%)	Tích lũy (%)
1	7.658	28.725	28.725	4.682	15.178	15.178
2	2.974	10.556	40.527	4.722	13.621	28.416
3	2.354	8.821	48.654	4.190	11.845	41.578
4	2.216	7.654	51.652	3.822	11.057	47.654
5	2.017	7.068	54.767	3.254	10.852	50.671
6	1.792	6.325	57.057	3.188	9.871	57.057

(Nguồn: Số liệu xử lý điều tra)

Mức độ giải thích của các biến quan sát đối với yếu tố nghiên cứu được đo bằng giá trị phương sai trích (Cumulative %), giá trị này phải lớn hơn 50% thì nghiên cứu mới có tính thực tiễn. Kết quả kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát được nêu trong bảng 4 cho thấy giá trị tổng số phương sai trích là 57,057% $> 50\%$, điều này có nghĩa là 57,057% sự thay đổi của các nhân tố được giải thích.

d. Kết quả xác định nhân tố khám phá

Trong phân tích EFA, việc sử dụng nhân tố xoay cho phép nhóm các nhân tố ban đầu thành các nhóm có quan hệ tuyến tính để hình thành nhân tố đại diện. Kết quả chạy mô hình nhân tố khám phá được thể hiện qua bảng 5.

Bảng 5. Kết quả trọng số tải của ma trận xoay các yếu tố ảnh hưởng

TT	Biến	Components (các thành phần)					
		1	2	3	4	5	6
1	PL1	0,792					
2	PL3	0,765					
3	PL2	0,719					
4	KT1		0,741				
5	KT3		0,720				
6	KT2		0,695				
7	TK1			0,710			
8	TK2			0,684			
9	TK3			0,632			
10	CV2				0,763		
11	CV3				0,735		
12	CV1				0,656		
13	NL3					0,698	
14	NL2					0,672	
15	NL1					0,616	
16	PH4						0,776
17	PH2						0,746
18	PH3						0,614
19	PH1						0,605

(Nguồn: Số liệu xử lý điều tra)

Kết quả chạy ma trận nhân tố xoay cho thấy các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,6. Các giá trị này đảm bảo sự tương quan giữa biến quan sát và các nhân tố được tạo ra. Như vậy, đã nhận diện được 6 nhân tố đại diện cho các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất ở các nông, lâm trường tại bảng 6. Các nhóm nhân tố ban đầu được sắp xếp lại thành 6 nhóm nhân tố như trong bảng.

Bảng 6. Mô hình điều chỉnh qua kiểm định Cronbach's Alpha và EFA

Nhân tố	Biến đặc trưng	Giải thích thang đo
1	PL1, PL2, PL3	F ₁ : Yếu tố chính sách pháp luật ảnh hưởng đến QLSD đất tại các NLT
2	KT1, KT2, KT3	F ₂ : Yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến QLSD đất tại các NLT
3	TK1, TK2, TK3	F ₃ : Yếu tố ngành nghề kinh doanh ảnh hưởng đến QLSD đất tại các NLT
4	CV1, CV2, CV3	F ₄ : Yếu tố cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý ảnh hưởng đến QLSD đất tại các NLT
5	NL1, NL2, NL3	F ₅ : Yếu tố trình độ và năng lực cán bộ ảnh hưởng đến QLSD đất tại các NLT
6	PH1, PH2, PH3, PH4	F ₆ : Yếu tố sự phối hợp của các cơ quan quản lý ảnh hưởng đến QLSD đất tại các NLT

Trên cơ sở các nhóm yếu tố trên tiến hành hồi quy các biến này theo biến phụ thuộc (biến Y) để thấy mức độ ảnh hưởng của các biến này đến kết quả công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT.

3.2.3. Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Kết quả phân tích hồi quy đa biến tại Bảng 7 cho thấy: hệ số Sig. = 0,00 nhỏ hơn mức ý nghĩa $\alpha = 1\%$, do vậy mô hình hồi quy có ý nghĩa, các biến độc lập có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc Y. Bên cạnh đó, hệ số tương quan R² hiệu chỉnh = 0,730 cho biết các biến độc lập trong mô hình có thể giải thích được 73,0% sự thay đổi của biến phụ thuộc. Hay 73,0% kết quả công tác QLSD đất tại các NLT chịu ảnh hưởng bởi 6 nhóm nhân tố nói trên, còn lại 27,0% sự thay đổi ảnh hưởng

bởi các nhân tố khác chưa xác định được. Kết quả phân tích phương sai cho giá trị Sig. = 0 cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính đa biến là phù hợp với nghiên cứu này. Bên cạnh đó, hệ số Durbin Watson (d) có giá trị = 2,215, nằm trong khoảng 1 đến 3 chứng tỏ mô hình không có hiện tượng tự tương quan. Hệ số phóng đại phương sai (VarianceInflation Factor - VIF) của tất cả các biến đưa vào mô hình đều nhỏ hơn 2 nên mô hình nghiên cứu không có hiện tượng đa cộng tuyến. Ngoài ra, sig kiểm định t hệ số hồi quy của các biến độc lập đều nhỏ hơn 0,05, do đó các biến độc lập này đều có ý nghĩa giải thích cho biến phụ thuộc và không biến nào bị loại khỏi mô hình.

Hệ số (β) tại bảng 7 đều mang dấu dương cho thấy 06 nhóm yếu tố đều có mối quan hệ tuyến tính cùng chiều. Hệ số (β) cho biết mức độ quan trọng của các nhóm yếu tố trong mô hình nghiên cứu. Nhóm yếu tố “Chính sách pháp luật đất đai” có ý nghĩa quan trọng nhất, tức là có ảnh hưởng lớn nhất với hệ số $\beta = 0,316$, thứ hai là các nhóm yếu tố “Đặc điểm ngành nghề kinh doanh” với hệ số $\beta = 0,305$, thứ ba là yếu tố “Sự phối hợp thực hiện công tác của các cơ quan quản lý”, thứ ba là nhóm “Cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý” với hệ số $\beta = 0,212$. Nhóm yếu tố “Kinh tế - xã hội” có mức độ ảnh hưởng thứ năm với hệ số $\beta = 0,184$ và thấp nhất là nhóm yếu tố “trình độ và năng lực quản lý” với hệ số $\beta = 0,129$.

Bảng 7. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sai số (Sig.)	Thông kê đa cộng tuyến	
	β	Sai số	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	0,382	0,145		2,835	0,000		
F ₁	0,147	0,028	0,316	4,568	0,000	1,000	1,000
F ₂	0,115	0,025	0,212	3,685	0,000	1,000	1,000
F ₃	0,141	0,028	0,285	2,587	0,008	1,000	1,000
F ₄	0,071	0,027	0,129	8,011	0,000	1,000	1,000
F ₅	0,075	0,025	0,184	4,126	0,001	1,000	1,000
F ₆	0,143	0,028	0,305	3,678	0,000	1,000	1,000

- Biến phụ thuộc: Công tác QLSD đất tại các NLT (KQ)

- Hệ số tương quan R^2 (R Square): 0,735

- Hệ số tương quan R^2 hiệu chỉnh: 0,730

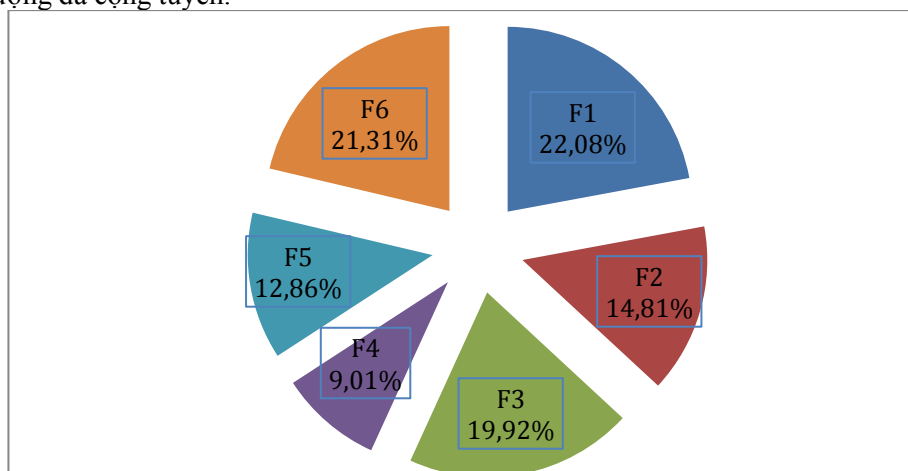
- Kiểm định F với mức ý nghĩa: (Sig.) = 0,000

- Durbin Watson: 2,115

Từ kết quả tại bảng 7 mô hình hồi quy có dạng:

$$Y = 0,382 + 0,316 \cdot F_1 + 0,184 \cdot F_2 + 0,305 \cdot F_3 + 0,212 \cdot F_4 + 0,129 \cdot F_5 + 0,285 \cdot F_6$$

Cả 6 biến (F₁, F₂, F₃, F₄, F₅, F₆) đảm bảo có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 95% (Significance < 0,05). Độ phóng đại phương sai (VIF) nhỏ hơn 2. Như vậy, các biến độc lập không có hiện tượng đa cộng tuyến.



Hình 1. Vị trí quan trọng của các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với các NLT trên địa bàn tỉnh

Như vậy, hệ số hồi quy được chuẩn hóa sẽ cho biết tầm quan trọng của các biến độc lập trong mô hình. Các hệ số hồi quy chuẩn hóa được chuyển đổi về dạng (%) tại hình 1.

Số liệu tại hình 1 cho thấy mức độ ảnh hưởng của các nhóm yếu tố đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gồm:

Bảng 8. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến công tác quản lý, sử dụng đất

Nhóm yếu tố	Yếu tố ảnh hưởng	Chỉ số đánh giá
Nhóm 1	Chính sách pháp luật đất đai	
PL01	Quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất NLT	3,81
PL02	Phổ biến pháp luật về quản lý, sử dụng đất NLT	3,67
PL03	Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng đất NLT	3,75
Nhóm 2	Kinh tế - xã hội	
KT01	Nguồn vốn/vốn vay từ các ngân hàng, tổ chức	3,80
KT02	Môi trường văn hóa – xã hội của tỉnh Thái Nguyên	3,76
KT03	Tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Thái Nguyên	3,92
Nhóm 3	Đặc điểm ngành nghề kinh doanh	
	Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của đơn vị ảnh hưởng tới xác định nội dung	3,69
KD01	QLNN	
	Ngành nghề kinh doanh của đơn vị ảnh hưởng tới thời gian và quá trình triển khai các nội dung QLNN đối với các NLT	3,75
KD02		
	Ngành nghề kinh doanh của các NLT ảnh hưởng tới hoạt động giám sát của QLNN.	4,05
KD03		
Nhóm 4	Cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý	
CV01	Hồ sơ địa chính phục vụ công tác quản lý	3,76
CV02	Trang thiết bị phục vụ quản lý đất NLT	3,74
CV03	Các yếu tố về cơ sở hạ tầng (vị trí, địa hình, giao thông...)	3,78
Nhóm 5	Trình độ và năng lực của cán bộ làm công tác quản lý	
NL01	Cán bộ làm công tác QLNN có nhận thức đúng đắn về QLNN đối với NLT	3,69
	Cán bộ làm công tác QLNN có quyết tâm thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với NLT	3,77
NL02		
NL03	Cán bộ làm công tác QLNN có đủ trình độ, năng lực thực hiện công tác quản lý	3,82
Nhóm 6	Sự phối hợp thực hiện của các cơ quan quản lý	
PH01	Chia sẻ thông tin các công việc liên QLNN đối với các NLT	3,79
	Hiệu quả của cơ chế phối hợp công tác giữa các sở, ban ngành trong triển khai QLNN đối với các NLT	3,68
PH02		
	Việc theo dõi đánh giá sự phối hợp QLNN đối với NLT của các cơ quan liên quan là kịp thời, toàn diện	3,72
PH03		
PH04	Việc giải quyết khiếu nại, khiếu kiện về quản lý, sử dụng quỹ đất NLT	3,89

- Nhóm yếu tố chính sách pháp luật đất đai: Số liệu tại bảng 8 cho thấy tất cả các yếu tố đều ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất với mức độ ảnh hưởng sử dụng thang đo Likert của từng yếu tố có sự khác nhau. Yếu tố quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất NLT có ảnh hưởng lớn nhất là 3,81, tiếp đến là công tác tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng đất NLT và công tác phổ biến pháp luật về quản lý, sử dụng đất NLT lần lượt là 3,75 và 3,67. Như vậy, trong quá trình thực hiện, nhà nước cần quan tâm hơn đến việc ban hành các chính sách về đất đai và tổ chức thực hiện tốt những quy định đối với đất đai tại các NLT.

- Nhóm yếu tố kinh tế - xã hội: Từng yếu tố trong nhóm có ảnh hưởng khác nhau đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các nông lâm trường. Các yếu tố tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Thái Nguyên; Nguồn vốn/vốn vay từ các ngân hàng, tổ chức và môi trường văn hóa – xã hội của tỉnh Thái Nguyên có chỉ số đánh giá lần lượt là: 3,92; 3,80 và 3,76. Như vậy, trong quá trình quản lý, sử dụng đất tại các NLT cần tiếp tục có giải pháp về nguồn vốn vay cho các NLT để các đơn vị có điều kiện hoạt động tốt hơn.

- Nhóm đặc điểm ngành nghề kinh doanh: Đây là nhóm yếu tố có ảnh hưởng lớn thứ 3 sau

nhóm chính sách pháp luật đất đai và nhóm sự phối hợp thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước. Từng yếu tố trong nhóm này đều có ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT, chỉ số các yếu tố lần lượt là 4,05; 3,75 và 3,69.

- Nhóm cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý: Là nhóm yếu tố có mức ảnh hưởng ít nhất đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT. Gồm các tiêu chí: Các yếu tố về cơ sở hạ tầng; Hồ sơ địa chính phục vụ công tác quản lý; Trang thiết bị phục vụ quản lý đất NLT có chỉ số đánh giá lần lượt là: 3,78; 3,76 và 3,74. Như vậy, đối với các chỉ tiêu nêu trên, trong thời gian tới, UBND tỉnh cần chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thiện hồ sơ địa chính theo đúng quy định, đặc biệt là tin học hóa công tác quản lý hồ sơ tại tất cả các NLT.

- Nhóm trình độ và năng lực của cán bộ làm công tác quản lý: Yếu tố Cán bộ làm công tác QLNN có đủ trình độ, năng lực thực hiện công tác quản lý có chỉ số đánh giá cao nhất là 3,82, tiếp đó là yếu tố cán bộ làm công tác QLNN có quyết tâm thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với NLT với chỉ số 3,77 và yếu tố cán bộ làm công tác QLNN có nhận thức đúng đắn về quản lý nhà nước đối với NLT với chỉ số 3,69. Đây cũng là một trong những nhóm có ảnh hưởng ít đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Nhóm sự phối hợp thực hiện của các cơ quan quản lý: Sự phối hợp của các cơ quan quản lý có ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT (chiếm 21,31%). Các yếu tố việc giải quyết khiếu nại, khiếu kiện về quản lý, sử dụng quỹ đất NLT có chỉ số là 3,89, cao nhất trong nhóm yếu tố này; thấp nhất là yếu tố hiệu quả của cơ chế phối hợp công tác giữa các sở, ban ngành trong triển khai QLNN đối với các NLT với chỉ số là 3,68. Như vậy, cần có những quy định cụ thể về sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý như: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện/thành phố để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT.

Tóm lại, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT là một nội dung quan trọng, là cơ sở để đề xuất các giải pháp đẩy nhanh tiến độ quản lý, sử dụng đất, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3.3. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

- Hoàn thiện chính sách pháp luật liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT

Từ kết quả phân tích các yếu tố thuộc nhóm pháp luật ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất nông, lâm trường như: việc ban hành các văn bản pháp luật và tổ chức thực hiện các văn bản có liên quan; các quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; công tác giao đất; cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Vì vậy, để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất NLT thì Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương cần hoàn thiện, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT; đồng thời rà soát, bổ sung, hoàn thiện những quy định đối với công tác quản lý, sử dụng đất NLT.

Trước hết là tập trung chỉ đạo, rà soát, hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật liên quan đến sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp; ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy sớm hoàn thiện việc sắp xếp lại, nhất là giải quyết được những vướng mắc, bức xúc hiện còn tồn tại.

Rà soát điều chỉnh lại cho phù hợp quy hoạch sử dụng đất của các NLT: Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch phát triển lâm nghiệp của tỉnh Thái Nguyên và kết quả rà soát đất đai của các NLT, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định hoặc điều chỉnh lại diện tích, ranh giới các loại đất giao cho các Công ty lâm nghiệp, Ban Quản lý rừng quản lý.

Thực hiện các quy định về giao đất, cho thuê đất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy hoạch sử dụng đất của lâm trường quốc doanh đã được xác định để quyết định việc giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức theo quy định: (1) Giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với Ban Quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; lâm trường chuyển đổi sang loại hình đơn vị sự nghiệp có thu, đất

để làm dịch vụ sản xuất giống, xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân trong vùng và đất sử dụng vào mục đích công cộng trong các Công ty lâm nghiệp.(2) Cho thuê đất hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất của các Công ty lâm nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh.

- Cải thiện các hoạt động làm thay đổi điều kiện kinh tế nâng cao đời sống cho cán bộ nhân viên

Sắp xếp, đổi mới tổ chức, quản lý các công ty nông, lâm nghiệp để quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên rừng, phát huy hiệu quả những tiềm năng thế mạnh, nguồn lực đất đai hiện có để đóng góp hiệu quả cho nền kinh tế, cho phát triển nông nghiệp của tỉnh; hướng tới mục tiêu các công ty nông, lâm nghiệp có thể dẫn dắt nông nghiệp của tỉnh phát triển, phát huy hiệu quả, nâng cao đời sống của nhân dân, đồng bào các dân tộc thiểu số, góp phần giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nhất là ở các vùng, địa bàn xung yếu. Đổi mới, sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp để các công ty trở thành động lực của nền kinh tế, là một bộ phận của quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và là công cụ quan trọng để đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, cụ thể là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi đặc biệt khó khăn vào cuộc sống.

- Cải thiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý

Các Công ty lâm nghiệp được Nhà nước hỗ trợ để phát triển, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới, công nghệ cao vào sản xuất, chế biến, nhất là về giống cây trồng rừng có năng suất, chất lượng cao; xây dựng các cơ sở nhân giống mới bằng mô, hom để cung cấp cho trồng rừng nguyên liệu công nghiệp; chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ mới và làm dịch vụ khuyến lâm, cung cấp thông tin thị trường cho nông dân trong vùng.

Khuyến khích rộng rãi việc hợp tác, liên doanh, liên kết giữa các Công ty lâm nghiệp với các nhà đầu tư, các viện, trường, trung tâm, cơ sở nghiên cứu khoa học của trung ương, vùng, địa phương để bảo vệ nguồn gen, chọn lọc, lai tạo và sản xuất những giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, có sức cạnh tranh lớn trên thị trường.

Thu hút mạnh đầu tư, thúc đẩy sớm hình thành các vùng sản xuất nông, lâm sản hàng hóa tập trung, quy mô lớn, thâm canh, ứng dụng công nghệ gắn với công nghiệp chế biến.

- Nâng cao trình độ cán bộ quản lý và chuyên môn

Tăng cường trách nhiệm của các địa phương trong phối hợp với các công ty nông, lâm nghiệp hoàn thành phương án sử dụng đất các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn; giải quyết các tồn tại, nhất là về đất đai, chủ động bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính, đưa ra các phương án cụ thể với từng NLT.

Làm tốt công tác cán bộ, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp cố tình làm chậm, làm sai, lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí; đặc biệt, không để tình trạng làm chậm chạp, thiếu quyết liệt hoặc những trường hợp cố tình làm chậm, làm trái, tình trạng lợi ích nhóm, gây thất thoát lãng phí lớn nguồn lực, tài nguyên đất đai, xâm phạm lợi ích của doanh nghiệp, tổ chức và người dân.

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn tổ chức thực hiện, nhất là vấn đề sử dụng đất, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xử lý các trường hợp cho thuê, mượn, lấn chiếm, tranh chấp, liên doanh, liên kết trái pháp luật. Rà soát, đánh giá và thực hiện tốt nhiệm vụ sắp xếp, đổi mới các tổng công ty cà phê, cao su, lâm nghiệp, vì đây là những doanh nghiệp rất lớn, quản lý nhiều đất đai, cần làm nghiêm túc, hiệu quả, bảo đảm an ninh trật tự.

Tiếp tục làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp; nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước. Chăm lo đời sống, việc làm cho người lao động, có giải pháp cụ thể, thiết thực, tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người dân địa phương, đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Đổi mới phương pháp quản lý đối với các NLT

Xác định rõ vị trí pháp lý của các NLT nhằm đảm bảo mọi hoạt động theo Luật doanh nghiệp nhà nước và thực hiện tốt chức năng sản xuất, kinh doanh. Xác định rõ quyền tự chủ, tự chịu

trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh của NLT. Làm rõ hơn chức năng quản lý nhà nước của các cấp, các ngành và chính quyền địa phương. Mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh trên cơ sở phát huy lợi thế về đất đai, tài nguyên đất đai, lao động, kinh nghiệm sản xuất.

4. Kết luận

Thái Nguyên là một tỉnh vùng Đông Bắc, có diện tích đất NLT khá lớn. Tuy nhiên, hiện nay quỹ đất này còn chưa được quản lý và sử dụng một cách hiệu quả, việc tranh chấp đất đai tại các NLT vẫn diễn ra. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp nhân tố khám phá EFA và mô hình hồi quy đa biến với số mẫu được lựa chọn là 100. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 6 nhóm với 19 yếu tố có ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các NLT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gồm: nhóm yếu tố chính sách pháp luật đất đai có ảnh hưởng lớn nhất với hệ số $\beta = 0,316$; tiếp theo là nhóm yếu tố về sự phối hợp thực hiện công tác của các cơ quan quản lý với $\beta = 0,305$; nhóm yếu tố về đặc điểm ngành nghề kinh doanh với $\beta = 0,285$; nhóm yếu tố điều kiện kinh tế - xã hội với hệ số $\beta = 0,212$; nhóm yếu tố trình độ và năng lực của cán bộ làm công tác quản lý với hệ số $\beta = 0,181$ và nhóm yếu tố cơ sở vật chất phục vụ quản lý với $\beta = 0,129$. Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất tại các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh như: Hoàn thiện pháp luật liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đất tại các nông, lâm trường; Cải thiện các hoạt động làm thay đổi điều kiện kinh tế nâng cao đời sống cho cán bộ nhân viên tại các NLT; Đổi mới phương pháp quản lý đối với các NLT...

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Department of Natural Resources and Environment of Thai Nguyen Province (2014-2019), *Data, Report on the management and land use of agricultural and forestry enterprises in Thai Nguyen province*, 2014 to 2019.
- [2] T. H. Phan and V. T. Le, "Situation and solutions to strengthen land use management in agricultural and forestry companies in Thai Nguyen province," *Journal of Agriculture and Rural Development*, vol. 7/2021, pp. 142-150, 2021.
- [3] H. D. Tran, *Research on some solutions to improve production and business efficiency for forestry enterprises operating under the Enterprise Law*, Ministry-level project, project code B-2006, 2008.
- [4] V. T. Duong and H. N. Tran, *Community forestry in central Vietnam*. Agricultural publisher, Ha Noi, 2012.
- [5] T. H. Pham, "Situation of arrangement and renewal of forestry companies according to Decree No. 200/2004/ND-CP of the Government," *Journal of Forestry Science and Technology*, vol. 4/2014, pp. 134-142, 2014.
- [6] D. T. Le, *Research on the current situation and propose solutions to innovate state management of state-owned agricultural and forestry enterprises*, Ministry-level project, project code B-2012, 2015.
- [7] X. M. Tran, T. T. T. Xuan, and V. P. Bui, "Current situation and solutions to strengthen the management and use of agricultural land and forestry farms in Hoa Binh province," *Journal of Forestry Science and Technology*, vol. 6-2016, pp. 209-216, 2016.
- [8] T. Q. Pham, P. N. Pham, and N. B. Nguyen, "Some factors affecting community-based forest land use and management in Hoa Binh province," *Vietnam Journal of Agricultural Science*, vol. 10/2018, pp. 885-895, 2018.
- [9] X. N. Dinh, "The influence of factors on state management of state-owned forestry companies in Vietnam," *Journal of Economic Management*, vol. 87/2018, pp. 3-15, 2018.
- [10] J. Hair, B. Black, B. Babin, R. Anderson, and R. Tatham, *Multivariate Data Analysis (6th edition)*. Upper Saddle River, NJ: Prentice-Hall, 2006.
- [11] R. Likert, "A Technique for the Measurement of Attitudes," *Archives of Psychology*, vol. 140, no. 55, New York University, USA, pp. 5-55, 1932.